

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA MAY – THỜI TRANG**



**SVTH: 1. NGUYỄN HÒA PHƯƠNG DUY - MSSV:20000676
2. TRƯƠNG QUỐC TOÀN - MSSV:20005834**

**ỨNG DỤNG TÂM LÝ TRONG VIỆC SỬ DỤNG CON NGƯỜI
TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Ngành học: KỸ THUẬT LÀM BÁNH

Lớp học: 20C1-KLB1

TIỂU LUẬN MÔN TÂM LÝ KINH DOANH NHÀ HÀNG

GVGD: Th.S LÂM THỊ PHƯƠNG THÙY

Thành phố Hồ Chí Minh – 2021

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA MAY THỜI TRANG**



**SVTH: 1. NGUYỄN HÒA PHƯƠNG DUY - MSSV:20000676
2. TRƯƠNG QUỐC TOÀN - MSSV:20005834**

**ỨNG DỤNG TÂM LÝ TRONG VIỆC SỬ DỤNG CON NGƯỜI
TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Ngành học: KỸ THUẬT LÀM BÁNH

Lớp học: 20C1-KLB1

TIỂU LUẬN MÔN TÂM LÝ KINH DOANH NHÀ HÀNG

GV CHẤM 1

(Ký và ghi rõ họ và tên)

GV CHẤM 2

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Thành phố Hồ Chí Minh – 2021

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành tiểu luận này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến:

- ∞ Ban giám hiệu trường Cao Đẳng Lý Tự Trọng vì đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất với hệ thống thư viện hiện đại, đa dạng các loại sách, tài liệu thuận lợi cho việc tìm kiếm, nghiên cứu thông tin
- ∞ Xin cảm ơn giảng viên bộ môn - Cô Lâm Thị Phương Thùy đã giảng dạy tận tình, chi tiết để em có đủ kiến thức và vận dụng chúng vào bài tiểu luận này

Do chưa có nhiều kinh nghiệm làm đề tài cũng như những hạn chế về kiến thức, trong bài tiểu luận chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự nhận xét, ý kiến đóng góp, phê bình từ phía Cô để bài tiểu luận được hoàn thiện hơn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

NHÓM SV THỰC HIỆN

NHÓM 1

NGUYỄN HÒA PHƯƠNG DUY

TRƯƠNG QUỐC TOÀN.

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC	Trang
LỜI CẢM ƠN	
PHẦN MỞ ĐẦU	1
Phần I	4
MỞ ĐẦU	
1.1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu	4
1.2. Mục tiêu nghiên cứu	4
1.3. Đối tượng, Phạm vi nghiên cứu	4
1.4. Phương pháp nghiên cứu	
Phần II	5
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÂM LÝ TRONG VIỆC SỬ DỤNG CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
1.1. Tâm lý là gì?	5
1.2. Tâm lý người là gì?	5
1.3. Bản chất của hiện tượng tâm lý	6
1.4. Con người là gì?	7
1.5. Nhân tài là gì?	7
2 Quy luật tâm lý của việc sử dụng con người theo khoa học	8
Phần III	11
ỨNG DỤNG TÂM LÝ TRONG VIỆC SỬ DỤNG CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
3.1 Đặt điểm của nhân tài	11
3.2 Chế độ sử dụng nhân tài	12
3.3. Các giải pháp động viên và phát huy nhân tài trong hoạt động kinh doanh	14
KẾT LUẬN	16
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	17

PHẦN I: MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu.

Để hiểu được nhân viên của mình hơn và để thuận lợi trong việc quản lí nhân sự trong của hàng

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nắm bắt được tâm lý con người

3. Phạm vi nghiên cứu.

4. Phương pháp nghiên cứu.

Nghiên cứu tài liệu, tham khảo thông tin

5. Kết cấu của chuyên đề.

Bài tiểu luận bao gồm 3 phần

Phần1: Mở đầu

Phần 2: Cơ sở lý luận về tâm lý trong việc sử dụng con người trong hoạt động kinh doanh

Phần 3: Ứng dụng tâm lý trong việc sử dụng con người trong việc

Phần 4: Kết luận

PHẦN II: Cơ sở lý luận về tâm lý trong việc sử dụng con người trong hoạt động kinh doanh

1. Một số khái niệm?

1.1 Tâm lý là gì ?

- Từ điển Tiếng Việt (1988): “Tâm lý là ý nghĩ, tình cảm,...làm thành đời sống nội tâm, thế giới bên trong của con người”
- Tâm lý bao gồm tất cả các hiện tượng tinh thần xảy ra trong đầu óc con người, gắn liền và điều hành mọi hoạt động của con người (nhận thức, sự suy nghĩ, tư tưởng, tình cảm, ý thức, ý chí)

1.2 Tâm lý người là gì ?

Theo quan niệm của Triết học thì: Tâm lý là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, tâm lý người có bản chất xã hội lịch sử. Đây chính là bản chất của hiện tượng tâm lý người theo quan điểm Tâm lý học Marxist.

Tâm lý người bao gồm tất cả những hiện tượng tinh thần xảy ra trong đầu óc con người, gắn liền và điều hành mọi hành động, hoạt động của con người.

Tâm lý học (Psychology) là một khoa học nghiên cứu về hành vi ứng xử và các tiến trình tâm trí của con người.

Khi nghiên cứu hành vi ứng xử và tiến trình tâm lý của con người tâm lý học thường nghiên cứu những vấn đề sau đây

-Tâm lý không chỉ nghiên cứu các hành vi tâm lý của con người mà còn nghiên cứu cả những ý tưởng, tình cảm, nhận thức, các tiến trình lý luận, kí ức, và cả các hoạt động sinh lý giúp cơ thể con người những chức năng của nó.

- Trong quá trình nghiên cứu hành vi ứng xử và tiến trình tâm lý của con người các nhà tâm lý học không chỉ quan tâm đến mô tả các hành vi mà còn nghiên cứu ở Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh 3 các mức độ cao hơn; với tư cách là một

khoa học, tâm lý học cố gắng giải thích, dự đoán, cải biến, và sau cùng hoàn thiện cuộc sống.

Trong cuốn sách này trên góc độ kiến thức của tâm lý học, chúng ta sẽ thấy mối quan hệ giữa khoa học tâm lý và sự ứng dụng của chúng trong lĩnh vực kinh doanh, như trong quản trị con người, trong bổ nhiệm nhân sự, trong sự quản lý các “làn sóng” dư luận trong tổ chức...; ứng dụng tâm lý trong bán hàng như dự đoán khách hàng tiềm năng, nắm bắt tâm lý khách hàng trong giới thiệu và tư vấn sản phẩm, biết khí chất – xu hướng tâm lý để tác động nhằm tạo nhu cầu tiêu dùng của khách hàng...; sự ứng dụng tâm lý trong lĩnh vực lao động – sản xuất như các phương thức bày trí, sắp xếp và màu sắc giúp kích thích sự hăng say, giảm sự mệt mỏi, cũng như đề phòng các tai nạn lao động do tâm lý tạo nên;...

1.3 Bản chất của các hiện tượng tâm lý

Tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể:

- Thế giới khách quan tồn tại bằng các thuộc tính không gian, thời gian và luôn vận động (cơ học, vật lý, hóa học, sinh học, xã hội)
- Phản ánh tâm lý là phản ánh đặc biệt
 - Bộ não người
 - Tổ chức cao nhất của vật chất
 - Tạo ra “hình ảnh tâm lý” (sinh động, sáng tạo; tính chủ thể, màu sắc cá nhân)
- Phản ánh tâm lý mang tính chủ thể (đối tượng, thời điểm, hành vi phản ứng của cơ thể)
 - Tâm lý người có bản chất xã hội - lịch sử:
- Con người có nguồn gốc từ thế giới khách quan Tự nhiên – xã hội

- Sản phẩm của hoạt động và giao tiếp của con người trong các mối quan hệ XH
Dấu ấn XH – LS của con người
- Kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXXH thông qua giao tiếp
- Hình thành, phát triển, biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử của cá nhân, cộng đồng và dân tộc

1.4 Con người là gì?

Con người là sự thống nhất giữa mặt sinh vật và mặt xã hội, là một thực thể sinh vật - xã hội và là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội.

- Về mặt sinh vật, con người là bộ phận của tự nhiên, sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài trong tự nhiên; chịu sự tác động của các quy luật sinh học tự nhiên. Con người cũng có những nhu cầu tự nhiên giống các loài vật khác. Mặt sinh vật là cơ sở, tiền đề cho mặt xã hội trong bản chất của con người. Trong quá trình phát triển của con người, yếu tố sinh vật có trước yếu tố xã hội và sự biến đổi mặt sinh vật sẽ tác động đến sự thay đổi mặt xã hội. Mặt sinh vật của con người thể hiện qua các nhu cầu tự nhiên và việc thoả mãn ngày càng tốt hơn các nhu cầu này là cơ sở, mục đích cho sự phát triển và hoàn thiện mặt xã hội của con người.
- Về mặt xã hội, con người chỉ tồn tại với tính cách là con người khi được sống trong môi trường xã hội; chịu sự tác động của các quy luật xã hội, các quy luật tâm lý. Bản chất xã hội của con người được hình thành và thể hiện tập trung ở hoạt động lao động sản xuất. Mặt xã hội là phương thức, là điều kiện cho con người thoả mãn nhu cầu sinh vật. Con người muốn thoả mãn nhu cầu sinh vật phải dựa vào lao động sản xuất và yếu tố xã hội góp phần tăng thêm hoặc làm giảm đi sức mạnh của yếu tố sinh vật.

1.5 Nhân tài là gì

- Có thể hiểu nhân tài là những người mang trong mình lý tưởng cao đẹp, có tính sáng tạo và trí tuệ để phát triển sự sáng tạo đó, đồng thời góp phần làm giàu trí tuệ cho đất nước và nhân loại.
- Nhân tài là người có kiến thức sâu sắc, biết sử dụng kiến thức đó vào trong việc tổ chức các nguồn lực nhằm tạo ra lợi ích cho cá nhân, tổ chức và đất nước. Các yếu tố tác động đến nhân tài đó là yếu tố bẩm sinh, môi trường tự nhiên-xã hội và yếu tố trong quá trình hình thành và phát triển của mỗi cá nhân.

2. Những quy luật tâm lý của việc sử dụng con người theo khoa học

❖ Quy luật tâm lý hành vi

Hành vi là cách ứng xử trong một hoàn cảnh nhất định được biểu hiện bằng lời nói, hành động, cử chỉ nhất định (theo Đại Từ điển Tiếng Việt – Nguyễn Như Ý (chủ biên) – NXBĐHQGTPHCM, 1/2007). Con người có hành động và cách xử thế trước các tình huống rất đa dạng không ai giống ai. Khoa học tâm lý đã góp phần quan trọng giúp ta nhận biết được mối quan hệ có tính quy luật giữa hành vi, thái độ của con người với Tính khí và động cơ hành vi của họ.

❖ Quy luật tâm lý lợi ích

Lợi ích là những cái có lợi, những cái cần thiết đối với con người. Lợi ích chi phối thái độ và hành động của con người.

Lợi ích có thể được hiểu và phân loại như sau:

- Lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài: Hai lợi ích này cũng có lúc thống nhất, nhưng cũng có những lúc không thống nhất, thậm chí là trái ngược nhau.
- Lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích chung: Các lợi ích này có nội dung và phạm vi khác nhau và hay mâu thuẫn nhau. Tâm lý phổ biến là coi lợi ích cá nhân nặng nhất, sau đó đến lợi ích nhóm, rồi mới đến lợi ích chung.

- Lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần: Lợi ích vật chất thường thấy rõ ngay, lợi ích tinh thần là to lớn và bền vững hơn nhiều so với lợi ích vật chất.

❖ Quy luật tâm lý tình cảm

Tình cảm có Tính bền vững, ổn định vì vậy nếu biết được đặc điểm tình cảm của một người nào đấy, ta có thể phán đoán được các yếu tố chính yếu trong họ. Tình cảm mang Tính chân thực, nó phản ánh chính xác nội tâm thực của con người, cho dù người đấy có cố tình che giấu bằng các hành vi giả tạo bên ngoài. Tình cảm được thể hiện thông qua các xúc cảm cụ thể và tình cảm càng sâu sắc bao nhiêu thì xúc cảm sẽ càng thể hiện mãnh liệt bấy nhiêu. Vì vậy chúng ta cũng có thể dùng xúc cảm của một người để đánh giá tình cảm của họ. Tuy nhiên trong một số trường hợp tình cảm không đồng nhất với xúc cảm. Ví dụ: Có những người biểu hiện cảm xúc rất mãnh liệt khi phản ứng trước các quyết định (kỷ luật) một cá nhân nào đó thể hiện anh ta rất quý người bị kỷ luật, tuy nhiên tình cảm của anh ta với người đó có khi là ngược lại.

Những quy luật của đời sống tình cảm

- Quy luật lây lan tình cảm: Tình cảm của một cá nhân có thể bị ảnh hưởng từ lây lan tâm lý từ người khác.
- Quy luật thích ứng: Một cảm xúc, một tình cảm nào đó được lặp đi lặp lại một cách không đổi, thì cuối cùng sẽ bị suy yếu và lắng xuống (sự chai sạn về mặt tình cảm).
- Quy luật tương phản: Một cảm xúc, tình cảm này có thể làm tăng cường một cảm xúc, tình cảm đối lập với nó.
- Quy luật di chuyển: Xúc cảm, tình cảm của con người có thể di chuyển từ đối tượng này sang đối tượng khác.
- Quy luật pha trộn: Những cảm xúc, tình cảm khác nhau thậm chí đối lập nhau có thể xuất hiện đồng thời ở một người, chúng không loại trừ nhau, mà quy định lẫn nhau.

❖ Quy luật tâm lý về nhu cầu

Nhu cầu là những đòi hỏi mà con người cần có để sống, tồn tại và phát triển. Nhu cầu là động lực hành động của con người, từ đó nảy sinh ra nhiều trạng thái tâm lý đa dạng và phong phú. Con người có nhiều nhu cầu.

Theo Abraham Maslow con người có 5 bậc nhu cầu sau:

- Nhu cầu sinh lý cơ bản;
- Nhu cầu an toàn;
- Nhu cầu xã hội (nhu cầu được chấp nhận);
- Nhu cầu được kính trọng (địa vị xã hội);
- Nhu cầu tự thể hiện (nhu cầu hiện thực hóa bản thân).

Các quy luật tâm lý về nhu cầu

- Nhu cầu của con người luôn phát triển đến vô tận. Sự phát triển của nhu cầu có thể tuần tự hoặc nhảy vọt tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi người và của các nhóm xã hội, nhưng không bao giờ dừng lại.
- Mức độ thỏa mãn giảm dần: Nhu cầu nào được đáp ứng đầu tiên bao giờ cũng có độ thích thú cao, sau đó sẽ giảm dần. Sự diễn biến của nhu cầu: Tâm lý nhu cầu nhiều khi tỏ ra đồng đánh không trùng với nhu cầu thực, có khả năng thay đổi nhanh chóng. Vì con người một lúc có nhiều nhu cầu khác nhau, nên họ phải lựa chọn, giải quyết các nhu cầu lần lượt phù hợp với khả năng tài chính, thể lực, thời gian hoặc ngoại cảnh, điều kiện...

PHẦN III: ỨNG DỤNG TÂM LÝ TRONG VIỆC SỬ DỤNG CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Đặc điểm của nhân tài

- Thứ nhất, theo quan điểm của Giáo sư Dave Ulrich – Trường Kinh doanh Ross, Đại học Michigan Hoa Kỳ.

Nhân tài được xem xét, nhận biết trên 4 yếu tố sau đây:

- (1) Người đó tham vọng không (sẵn sàng làm việc cật lực, thực sự cố gắng, khát vọng thành công, sẵn sàng trả giá – không sợ thất bại);
- (2) Người đó phải có khả năng (kiến thức, trình độ tốt và ngày càng trở nên tốt hơn theo năm tháng và phải có rất nhiều năng lực để làm được việc này);
- (3) Nhanh nhẹn (khả năng làm việc được ở nhiều môi trường khác nhau, khả năng làm việc trong môi trường đòi hỏi kết quả ngắn hạn và cả trong dài hạn);
- (4) Hiệu quả công việc (được xem xét trong tương quan về số lượng, thời gian và các chi phí khác).

- Thứ hai, một số kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới

Các nhà khoa học đưa ra 7 dấu hiệu để nhận biết người tài đó là:

- Là những người có khả năng thích nghi cao;
- Biết nhận định về lượng kiến thức mà mình còn chưa biết đến;
- Ham hiểu biết và khám phá;
- Có suy nghĩ không bó buộc bản thân và thường tỏ ra cởi mở với những ý tưởng, cơ hội mới;
- Dễ kết bạn hơn người xung quanh;
- Có khả năng tự kiểm chế tốt;
- Là những người hài hước.

Theo kết quả nghiên cứu từ một số nước (trong đó có Việt Nam) đưa ra 20 dấu hiệu để nhận biết người tài. Đó là:

1. Có tật có tài
2. Ghét xu nịnh
3. Ghét bè phái

4. Thích nói và làm ngược số đông
5. Khắt khe
6. Mâu thuẫn nội tại
7. Ghét kẻ bất tài và gặp may
8. Ghét sự gò bó
9. Càng bận rộn càng thích
10. Thẳng tính
11. Cầu toàn
12. Thiếu kiên nhẫn
13. Lơ đễnh
14. Tham công tiếc việc
15. Thích cô độc
16. Bị công việc ám ảnh
17. Đòi thù lao tương xứng
18. Ít chứng tỏ
19. Tự trọng
20. Không quá coi trọng yếu tố kinh nghiệm

2. Các chế độ sử dụng nhân tài

Theo quy định tại Điều 23 Luật khoa học và công nghệ năm 2013 thì chế độ ưu đãi trong việc sử dụng nhân lực, nhân tài khoa học và công nghệ tại Việt Nam có các quyền sau đây:

- Người được bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ được hưởng ưu đãi sau đây:
 - + Được xếp vào vị trí việc làm và hưởng mức lương, phụ cấp phù hợp với chuyên môn và năng lực trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
 - + Được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định tại Điều 64 của Luật khoa học và công nghệ năm 2013;

+ Được trang bị phương tiện và tạo điều kiện làm việc thuận lợi cao hơn mức quy định cho cán bộ, công chức nhà nước và phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao;

+ Được miễn trách nhiệm dân sự trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro gây ra cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học.

- Nhà khoa học đầu ngành ngoài ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật khoa học và công nghệ năm 2013 còn được hưởng ưu đãi sau đây:

+ Được ưu tiên giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng;

+ Được thành lập nhóm nghiên cứu xuất sắc trong lĩnh vực chuyên môn của mình và được cấp hoặc hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của nhóm này;

+ Được trực tiếp đề xuất, tham gia xây dựng, đánh giá và phản biện chính sách của ngành, lĩnh vực, quốc gia về phát triển khoa học và công nghệ;

+ Được ưu tiên giao nhiệm vụ phản biện độc lập đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh;

+ Được hưởng mức phụ cấp ưu đãi đặc biệt theo quy định của Chính phủ;

+ Được hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn.

Chính phủ hướng dẫn cụ thể việc ưu đãi cho Nhà khoa học đầu ngành tại Mục 1 Chương 4 Nghị định 40/2014/NĐ-CP

- Nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng ngoài ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật khoa học và công nghệ năm 2013 còn được hưởng ưu đãi sau đây:

+ Hưởng mức lương và phụ cấp ưu đãi đặc biệt theo thỏa thuận với cơ quan nhà nước giao nhiệm vụ; được bố trí nhà ở công vụ, phương tiện đi lại công vụ trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được giao;

+ Đề xuất việc điều động nhân lực khoa học và công nghệ, kinh phí thực hiện nhiệm vụ và nguồn lực vật chất, tài chính bảo đảm thực hiện nhiệm vụ;

+ Thuê, thỏa thuận chi phí thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài; tự quyết định việc mua sắm chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho nhiệm vụ trong phạm vi dự toán kinh phí được giao;

+ Tự quyết định và được hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn;

+ Toàn quyền quyết định việc tổ chức nhiệm vụ được giao.

Chính phủ hướng dẫn cụ thể việc ưu đãi cho nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng tại Mục 2 Chương 4 Nghị định 40/2014/NĐ-CP

- Nhà khoa học trẻ tài năng ngoài việc được hưởng ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật khoa học và công nghệ năm 2013 còn được hưởng ưu đãi sau đây:

+ Ưu tiên xét cấp học bổng để nâng cao trình độ ở trong nước, ngoài nước;

+ Được thành lập nhóm nghiên cứu xuất sắc trong lĩnh vực chuyên môn của mình và được cấp hoặc hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của nhóm này;

+ Được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng và được ưu tiên chủ trì, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác;

+ Được hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn.

3. Các giải pháp động viên và phát huy nhân tài trong hoạt động kinh doanh

> Sự động viên về tiền lương

Đãi ngộ tiền lương là phương pháp quan trọng đáp ứng được sự cần thiết trong sự sinh tồn của họ. Có được thu nhập cao về tiền lương không những cho họ cảm thấy cuộc sống được bảo đảm mà còn là biểu hiện tượng trưng về địa lý, vai trò trong xã hội và thành tựu cá nhân, có ý nghĩa tâm lý rất quan trọng.

— Sự động viên về tiền thưởng

Tiền thưởng là thù lao ngoài sức lao động mục đích của chế độ tiền thưởng là khích lệ tính tích cực lao động vượt mức của mọi người. Trong thực tế khi phát huy tác dụng của việc khích lệ thông qua tiền thưởng, phải chú ý ba điểm sau: Thứ nhất, phải giữ lời hứa, không được để mất lòng tin với nhân viên.

Thứ hai, không được chạy theo chủ nghĩa bình quân.

Thứ ba, để cho nhân viên hiểu được rằng, chỉ khi doanh nghiệp phát triển hưng vượng thì tiền thưởng của bản thân mới không ngừng được nâng cao, mà sự nhận thức này của nhân viên có thể có được hiệu quả về tinh thần tập thể" cùng hội cùng thuyền"

> Sự khích lệ trong công việc

Có thể khích lệ nhân viên đi học những lớp học buổi tối để nâng cao kỹ năng, từ đó có thể đảm nhận những công việc khó hơn.

Được làm công việc khó hơn sẽ tạo cơ hội cho nhân viên phát huy được bản lĩnh cá nhân.

Khen ngợi chân thành, không nên dùng những lời nói chung chung qua loa

> **Khích lệ bằng sự ủng hộ**

Phải biết yêu thích ý chí tiến thủ và ý kiến độc đáo của cấp dưới, biết yêu thích tính tích cực và tích sáng tạo ở họ, tạo lập một môi trường làm việc rộng rãi.

> **Khích lệ bằng sự quan tâm**

Được quan tâm và ưu ái, đó là nhu cầu về tinh thần của con người. Nó có thể nối liền về mặt tâm linh, tăng thêm tình cảm giữa con người với con người, khích lệ mọi người phấn đấu đi lên, khai thác tiềm năng của con người.

> **Khích lệ sự cạnh tranh**

Có thể phát huy triệt để tài trí thông minh của cá nhân mỗi người, giúp cho mỗi cá thể có thể phát triển hoàn hảo. Trong quá trình cạnh tranh, mỗi nhân viên phải hoàn thành mọi nhiệm vụ, khắc phục mọi khó khăn, điều này thúc đẩy họ phải cố gắng học tập và nâng cao bản thân.

> **Khích lệ thông qua việc nhấn mạnh**

Nhấn mạnh ở đây bao gồm hai phương thức chính và phụ. Có sự khẳng định và khen thưởng đối với hành vi ấy được củng cố và duy trì, như vậy gọi là nhấn mạnh. Phải có sự biểu dương và khích lệ đối với những hành vi đúng đắn và những công việc mang lại thành tích. Ngược lại, sự phủ định và trừng phạt đối với một số hành vi, làm cho chúng giảm thiểu, mất đi.

Thưởng phạt có cơ sở, tránh chủ nghĩa bình quân

PHẦN IV: KẾT LUẬN

Qua bài tiểu luận này giúp chúng ta có thể hiểu được việc sử dụng tâm lý trong việc sử dụng con người trong hoạt động kinh doanh, để có thể quản lý nhân sự của của hàng mình tốt hơn



TÀI LIỆU THAM KHẢO